

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒN ĐẤT
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 130/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 14-8-2024

V/v tranh chấp ly hôn, giải
quyết việc nuôi con chung

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Quyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Đoạt

2. Bà Phạm Hồng Gái

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Mộng Trinh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Không tham gia

Ngày 14 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 313/2024/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2024 về tranh chấp ly hôn, giải quyết việc nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 145/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Võ Thị M**, sinh năm 1987;

Địa chỉ: **Tổ G, ấp N, xã M, huyện H, tỉnh Kiên Giang**. (vắng mặt)

2. Bị đơn: Anh **Phan Văn H**, sinh năm 1983;

Địa chỉ: **Tổ G, ấp N, xã M, huyện H, tỉnh Kiên Giang**. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn đề ngày 21/5/2024 và trong quá trình giải quyết vụ nguyên đơn chị **Võ Thị M** trình bày:

Vào năm 2003, chị và anh **Phan Văn H** tự nguyện quen biết yêu thương nhau và được sự đồng ý của cha mẹ hai bên nhưng anh chị không tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và có đăng ký kết hôn với nhau tại **UBND xã M, huyện H, tỉnh Kiên Giang** vào ngày 26/7/2010. Trong quá trình chung sống anh chị có 03 người con chung tên **Phan Thị Diễm M1**, sinh ngày 05/02/2004 và

Phan Thị D, sinh ngày 30/6/2009, **Phan Văn T**, sinh ngày 09/01/2011, hiện con đang sống cùng anh chị. Về tài sản chung thì vợ chồng tự thỏa thuận, còn nợ chung thì không có.

Chị **M** xác nhận thời gian đầu vợ chồng chung sống rất hạnh phúc nhưng đến năm 2022 thì vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn với nhau, lý do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống hàng ngày, không hợp nhau, anh **H** thường xuyên đánh đập chị **M** nên chị không thể sống chung được nữa, tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt, chị **M** không còn tình cảm với anh **H** nữa nên chị và anh **H** đã ly thân từ đó cho đến nay. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

Về hôn nhân: Xin được ly hôn cùng anh **Phan Văn H**

Về việc nuôi con chung: Chị **M** yêu cầu được tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng con chung cháu **D** và cháu **T** và không yêu cầu anh **H** cấp dưỡng nuôi con, còn cháu **M1** đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Theo biên bản ghi lời khai ngày 12/7/2024, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bị đơn anh **Phan Văn H** trình bày như sau:*

Vào năm 2003, anh **H** và chị **Võ Thị M** tự nguyện quen biết yêu thương nhau và được sự đồng ý của cha mẹ hai bên nhưng anh chị không tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và có đăng ký kết hôn với nhau tại **UBND xã M, huyện H, tỉnh Kiên Giang** vào ngày 26/7/2010. Trong quá trình chung sống anh chị có 03 người con chung tên **Phan Thị Diễm M1**, sinh ngày 05/02/2004 và **Phan Thị D**, sinh ngày 30/6/2009, **Phan Văn T**, sinh ngày 09/01/2011, hiện con đang sống cùng vợ chồng anh chị. Về tài sản chung thì vợ chồng tự thỏa thuận, còn nợ chung thì không có.

Anh **H** xác nhận thời gian đầu vợ chồng chung sống rất hạnh phúc nhưng khoảng năm 2023 thì vợ chồng ở trọ ở Cần Thơ, ngày đám giỗ của cha anh **H** thì chị **M** không ra tiếp mời mọi người cứ nằm một chỗ, anh **H** có năn nỉ xuống ăn đám và nói chị **M** cư xử cho đàng hoàng, vợ chồng có lời qua tiếng lại với nhau và vợ chồng có đánh lộn với nhau, sau đó chị **M** bỏ đi ở đâu không biết, anh **H** điện thoại cũng không được, anh **H** có đi tìm thì gặp ở bệnh viện trên Bình Dương do con gái sinh con ở đó, anh **H** gặp có nói chuyện kêu về phòng nói chuyện nhưng chị **M** không chịu nên anh **H** mới đánh chị **M** 3-4 cái bạt tay, từ đó vợ chồng không gặp nhau, anh **H** đi biển về có nghe em vợ và hàng xóm có nói chị **M** có quen người đàn ông khác, anh **H** có nói chuyện với chị **M** thì chị **M** nói chỉ quen bạn chủ yếu là để ăn nhậu với nhau chứ không có trai gái gì. Ngoài

ra vợ chồng không có mâu thuẫn nào khác nghiêm trọng để phải ly hôn với nhau.

Nay chị **M** yêu cầu ly hôn với anh thì anh **H** không đồng ý ly hôn vì còn thương vợ thương con muốn hàn gắn lại với chị **M**.

Về con chung: Nếu Tòa án xử cho ly hôn thì con cái theo nguyện vọng của các con nếu theo anh **H** thì anh **H** không cần cấp dưỡng, nếu theo chị **M** thì anh **H** không đồng ý cấp dưỡng nuôi con, còn cháu **M1** đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn chị **M** yêu cầu ly hôn với anh **H** và yêu cầu được nuôi con chung. Xét thấy đây là tranh chấp về ly hôn và giải quyết việc nuôi con chung, bị đơn anh **Phan Văn H** có nơi cư trú tại **tổ G, ấp N, xã M, huyện H, tỉnh Kiên Giang** nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho chị **M** và anh **H** nhưng anh, chị vắng mặt tại phiên tòa và có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, do đó Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị **M** và anh **H** chung sống với nhau vào năm 2003 trên cơ sở hôn nhân hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại **Ủy ban nhân dân xã M, huyện H, tỉnh Kiên Giang** vào ngày 26/7/2010, do đó hôn nhân giữa anh chị là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Xét yêu cầu ly hôn của chị **Võ Thị M**, Hội đồng xét xử xét thấy: Trong quá trình giải quyết chị **M** và anh **H** đều thừa nhận, thời gian đầu, chị **M** và anh **H** chung sống hạnh phúc trên cơ sở hôn nhân tự nguyện và có với nhau ba người con chung tên **Phan Thị Diễm M1**, sinh ngày 05/02/2004 và **Phan Thị D**, sinh ngày 30/6/2009, **Phan Văn T**, sinh ngày 09/01/2011, nhưng kể từ năm 2022-2023, giữa chị **M** và anh **H** phát sinh nhiều mâu thuẫn lý do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống hàng ngày, không hợp nhau, anh **H** thường xuyên đánh đập chị **M** nên chị không thể sống chung được nữa, chị **M** và anh **H** cũng đã ly thân hai năm nay. Xét thấy giữa chị **M** và anh **H** cũng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng chung sống không còn thương yêu, quý trọng, quan tâm, chăm sóc và giúp đỡ lẫn nhau khiến cho cuộc sống hôn

nhân rạn nứt, anh **H** cũng thừa nhận vợ chồng cũng có cự cãi, đánh lộn với nhau trong cuộc sống và anh **H** cũng có đánh chị **M** một lần dẫn đến chị **M** bỏ đi, hiện tại anh chị cũng đã sống ly thân được một thời gian dài, cuộc sống của ai người đó tự lo, cuộc sống hôn nhân của anh chị không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào quy định tại khoản 1, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị **M**.

[4] Về việc nuôi con chung:

Chị **M** và anh **H** cùng xác nhận anh chị có 03 (ba) người con chung tên **Phan Thị Diễm M1**, sinh ngày 05/02/2004 và **Phan Thị D**, sinh ngày 30/6/2009, **Phan Văn T**, sinh ngày 09/01/2011, riêng cháu **M1** đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết, chị **M** yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu **D** và cháu **T** đến tuổi trưởng thành. Hội đồng xét xử nhận thấy: Từ khi anh chị sống ly thân, cháu **D**, cháu **T** vẫn sống với chị **M** và anh **H**, anh **H** cũng yêu cầu theo nguyện vọng của các con nếu cháu **D**, cháu **T** sống cùng anh **H** thì anh không cần cấp dưỡng nuôi con và nếu cháu **D**, cháu **T** sống cùng chị **M** thì anh không đồng ý cấp dưỡng, do vậy căn cứ theo biên bản ghi nguyện vọng của cháu **T** và cháu **D** vào ngày 16/7/2024 thì cháu **T** và cháu **D** có nguyện vọng sống cùng chị **M**, do đó Hội đồng xét xử xét nên giao cháu **T** và cháu **D** cho chị **M** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi là phù hợp với quy định tại khoản 1 và khoản 2, Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình. Anh **H** được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Chị **M** cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh **H** trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục các con.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Trong quá trình giải quyết vụ án chị **M** không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, do đó Hội đồng xét xử không xem xét về vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

[6] Về tài sản chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, chị **M** và anh **H** cùng xác nhận anh chị tự thỏa thuận về tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, chị **M** và anh **H** cùng xác nhận anh chị không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí: Nguyên đơn chị **M** yêu cầu ly hôn nên căn cứ theo quy định tại khoản 4, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị **M** có nghĩa vụ nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, Điều 51, khoản 1, Điều 56, các Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 35, 39 và Điều 40; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị **Võ Thị M** ly hôn với anh Phan Văn Hiệp
2. Về nuôi con chung: Giao cháu **Phan Thị D**, sinh ngày 30/6/2009 và cháu **Phan Văn T**, sinh ngày 09/01/2011 cho chị **M** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Anh **H** được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Chị **M** cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh **H** trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục các con.

Đối với cháu **Phan Thị Diễm M1**, sinh ngày 05/02/2004 đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị **Võ Thị M** không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, do đó Hội đồng xét xử không xem xét về vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

4. Về tài sản chung: Chị **Võ Thị M** và anh **Phan Văn H** xác nhận tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về nợ chung: Chị **Võ Thị M** và anh **Phan Văn H** xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

6. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị **Võ Thị M** phải nộp 300.000 đồng nhưng chị **M** được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0001181 ngày 21-6-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang, chị **M** không phải nộp thêm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014”.

7. Quyền kháng cáo: Chị **Võ Thị M** và anh **Phan Văn H** có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- VKSND huyện Hòn Đất;
- CCTHADS huyện Hòn Đất;
- Phòng KTNV và Thi hành án TA tỉnh;
- Sở Tư pháp tỉnh;
- UBND xã Mỹ Thuận, huyện Hòn Đất;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Phan Thị Quyên

